

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 752/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2018.

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà: Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 232/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Thủy T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số 20A/1 ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số 319/13 đường G, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T, ông K đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2018; Bản tự khai ngày 16/4/2018, nguyên đơn là bà Phùng Thị Thủy T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đăng K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 12/12/2003).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Năm 2008 vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông K thường ham vui, tụ tập bạn bè ăn nhậu, không lo tu chí làm ăn. Vợ chồng đã tự giải quyết nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2008 bà đã bỏ về nhà cha mẹ để sống đến nay. Nay vợ chồng bà không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đăng K.

- Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 07/02/2004, hiện con đang sống với ông K, do ông K chăm sóc trẻ Nguyễn Đăng K1 từ nhỏ nên bà và ông K thống nhất giao trẻ Nguyễn Đăng K1 cho ông K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông K không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, bà Phùng Thị Thủy T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc.

* Theo đơn Bản tự khai ngày 03/10/2018, bị đơn là ông Nguyễn Đăng K trình bày:

Ông và bà Phùng Thị Thủy T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Sau khi kết hôn, vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, thường xảy ra gây gổ làm ảnh hưởng đến con cái và mọi người trong gia đình nên hai vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Do đó, ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Phùng Thị Thủy T.

- Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 07/02/2004, hiện con đang sống với ông, nên ông đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Đăng K1 cho đến khi thành niên. Không yêu cầu bà Thủy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đăng K có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện

đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phùng Thị Thủy T và bị đơn là ông Nguyễn Đăng K đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Thủy T và ông Nguyễn Đăng K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 181 quyển số 01/2003 ngày 12/12/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, các đương sự đều thừa nhận vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ, cãi cọ nhau. Vợ chồng bất đồng nhưng không hòa giải được nên đã sống ly thân từ năm 2008, nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã triệu nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng bà T, ông K tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng bà T và ông K đều thống nhất ly hôn, nên ông K không tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T, ông K đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ các đương sự không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với nhau. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải và đồng ý ly hôn tại Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Bà Phùng Thị Thủy T và ông Nguyễn Đăng K có 01 con

chung tên Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 07/02/2004. Hiện trẻ Đăng K1 đang sống với ông K, do ông K chăm sóc từ nhỏ. Trong bản tự khai, ông K, bà T đều thống nhất giao con cho ông K trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến thống nhất của ông K, bà T, giao trẻ Nguyễn Đăng K1 cho ông K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp.

Ghi nhận ông K không yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phùng Thị Thủy T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Nguyễn Đăng K. Bà Phùng Thị Thủy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông K thì ông K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông K đều tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3. Về án phí: Bà Phùng Thị Thủy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Thủy T về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Đăng K.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị Thủy T và ông Nguyễn Đăng K chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 181, quyền số 01/2003 ngày 12/12/2003 do Ủy ban nhân dân Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phùng Thị Thủy T và ông Nguyễn Đăng K không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Đăng K trực tiếp trông nom, nuôi

dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 07/02/2004 cho đến khi thành niên.

Ghi nhận ông K không yêu cầu bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phùng Thị Thủy T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Nguyễn Đăng K. Bà Phùng Thị Thủy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông K thì ông K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông K đều tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phùng Thị Thủy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0029048 ngày 10/4/2018 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Phùng Thị Thủy T đã đóng đủ tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú

